

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2020

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy L (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B2, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 03/01/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn qua sự mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 01/7/2005. Bà và ông T chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống và

phát sinh mâu thuẫn. Vì ông T không chịu lo làm ăn thường xuyên ăn nhậu và đam mê cờ bạc, gây nợ nần, không quan tâm đến vợ con, mỗi khi có rượu ông T hay kiếm chuyện mắng chửi nhục mạ bà vô cớ, thậm chí còn đánh đập bà nhiều lần, làm cho cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa và gia đình không hạnh phúc. Từ tháng 6 năm 2019 bà đã sống ly thân với ông T cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân là hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Giữa bà và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 17/04/2006 và Huỳnh Lê Như N, sinh ngày 10/11/2009. Hiện 02 con đang sống với ông T.

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 bà L trình bày: Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/5/2020: Bà L rút lại yêu cầu nuôi con chung, bà trình bày sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi 02 cháu Tuấn A và cháu Như N, bà không cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông T tạo điều kiện cho bà được tới lui thăm con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Huỳnh Tấn Thiện: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của nguyên đơn (Bản photo); Giấy chứng nhận ký kết hôn; 2 Giấy khai sinh cháu Tuấn A, Như N (Bản sao); Tờ tự khai, đơn khởi kiện bà L; Phiếu gửi hồ sơ cho ông T.

- Bị đơn: không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của cháu Huỳnh Tuấn A ngày 15/7/2020; Biên bản ghi lời khai của cháu Huỳnh Lê Như N, ngày 15/7/2020; Biên bản ghi lời khai bà Huỳnh Thị Mỹ C ngày 15/7/2020.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông T; Về con chung: Ông T được tiếp tục nuôi 02 con chung là Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 17/04/2006 và Huỳnh Lê Như N, sinh ngày 10/11/2009, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu; Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung của vợ chồng: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thúy L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Huỳnh Tấn T có nơi cư trú tại tổ A, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn - Bà L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/8/2020 phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn – Ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà L và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà L và ông T xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà L nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, ông T không chịu lo làm ăn thường xuyên ăn nhậu và đam mê cờ bạc, gây nợ nần, không quan tâm đến vợ con, mỗi khi có rượu ông T hay kiếm chuyện mắng chửi nhục mạ bà vô cớ, thậm chí còn đánh đập bà nhiều lần. Từ tháng 6 năm 2019 bà với ông T đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T.

Theo Biên xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T ngày 15/7/2020, bà Huỳnh Thị Mỹ C là em ruột của ông T xác định: Giữa bà L và ông T ban đầu do mâu thuẫn trong việc quản lý và sử dụng tiền bạc nên cả hai có cự cãi và xảy ra xô xát dẫn đến việc bà L từng bỏ nhà đi hơn 1 tuần, tiếp sau đó thì cuộc sống cả hai không hạnh phúc và mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Giữa bà L và ông T đã không còn sống chung hơn 3 năm và bà L đã gửi đơn ly hôn với ông T tại Tòa án 3 lần. Theo bà giữa bà L và ông T không có khả năng đoàn tụ vì hiện bà L đã có chồng khác.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà L và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, bà L được ly hôn với ông T.

2.2 Về con chung: Giữa bà L và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 17/04/2006 và Huỳnh Lê Như N, sinh ngày 10/11/2009, hiện đang sống với ông T hiện. Theo trình bày của bà L thì sau khi ly hôn bà đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi 02 con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi lời khai của của cháu A và cháu N thì các cháu hiện đang sống với ba là ông T hiện, ông T có quan tâm chăm sóc tốt cuộc sống và việc học của các cháu, các cháu đều có nguyện vọng sống với ba khi ba mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống của các con chung hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu A và cháu N cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông T phải tạo điều kiện cho bà L trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không có yêu cầu nên bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Bà L yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà L là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà L và ông T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2005 ngày 01/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 17/04/2006 và Huỳnh Lê Như N, sinh ngày 10/11/2009 cho ông Huỳnh Tấn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà L trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không yêu cầu nên bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006779 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Huỳnh Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Ngọc Trinh